

Bản án số: 06/2020/HSST
Ngày: 13/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quế.

Bà Nguyễn Thị Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2019/TLST-HS ngày 03/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 97/2019/QĐXXST-HS ngày 25/12/2019, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN MẠNH C, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn Q - xã H - huyện Q - tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mạnh V (đã chết) và bà Phạm Thị B, sinh năm 1964; Có vợ là Phan Thị M, sinh năm 1997 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2016; Nhân thân: Ngày 27/7/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh B kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt 24 tháng tù. Ngày 26/11/2012 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Ngày 20/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Q - tỉnh B kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt 15 tháng tù, ngày 16/4/2014 Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 19/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xử phạt 10 tháng tù; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 26/9/2018 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

2. DƯƠNG HỮU S, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn L - thị trấn H - huyện T - tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Hữu H, sinh năm 1974 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Ngày 27/02/2017 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh nhau*”; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 11/9/2018 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khỏe của người khác*”; Bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh **TRẦN VĂN M**, sinh năm 1997.

Trú tại: Số nhà 219, phố H - thị trấn H - huyện T - tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị **LÒ THỊ T**, sinh năm 1991.

Trú tại: Số nhà 219, phố H - thị trấn H - huyện T - tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị **PHẠM THỊ B**, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn Q - xã H - huyện - tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 16/9/2019 do thiếu tiền trả tiền hát Karaoke nên Nguyễn Mạnh C cùng Dương Hữu S đến quán “*Phở bò Nam Định*” ở số 219, phố H - thị trấn H - huyện T - tỉnh B của anh Trần Văn M với mục đích cầm chiếc xe mô tô mà S đang sử dụng cho anh M để vay số tiền từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Khi đến quán anh M đặt vấn đề thì anh M từ chối không nhận cầm xe nên C và S mang xe mô tô vào quán của anh Nguyễn Xuân D ở thôn T - xã S - huyện T - tỉnh B tiếp tục đặt vấn đề cầm xe để vay tiền. Do anh D cũng không nhận cầm xe nên C bảo S chở C về nhà C ở thôn Q - xã H - huyện Q - tỉnh B. Về đến nhà C đã lấy 01 con dao dài 34cm, lưỡi dao bằng Inox màu sáng dài 21cm, bản rộng nhất phần lưỡi dao là 04cm chuôi dao bằng gỗ màu nâu, có vỏ bao tại phần lưỡi dao dài 21cm và 01 thẻ ATM của bà Phạm Thị B là mẹ đẻ của C. Sau đó, C và S quay lại cây ATM ở phố H - thị trấn H - huyện T - tỉnh B để rút tiền nhưng do trong thẻ ATM không còn tiền nên không rút được. Khi không rút được tiền C và S quay lại quán “*Phở bò Nam Định*” của anh M rồi đi vào trong quán đến quầy bán hàng. C và S đứng ngoài quầy bán hàng còn anh M đứng phía trong quầy bán hàng, chắn giữa quầy bán hàng là tấm kính trong suốt có ô trống nhỏ thông nhau. Sấn bực tức trong người nên C rút con dao (phần lưỡi dao vẫn nằm trong vỏ bao) đã lấy trước đó để trong túi quần phía trước bên phải mà mình đang mặc dơ về phía anh M và nói “*Mày chơi tao à, thằng D có cầm cổ đâu, hôm nay mày không cầm cổ xe cho tao thì tao đâm chết mày*”. Nghe C nói vậy thì anh M sợ và nói là không có tiền thì

C liền cầm dao vòng qua quầy bán hàng đi vào chỗ anh M đang đứng bán hàng. Lúc này, S đi theo C và can ngăn C không cho đến gần anh M. Mặc dù được S can ngăn nhưng C vẫn tiếp tục đe dọa anh M “*Nếu không cho vay tiền thì sẽ phá quán*”. Do C đe dọa liên tục, anh M sợ C làm thật nên đã đi vào phòng ngủ phía trong quán gọi chị Lò Thị T là vợ của anh M dậy nói “*Có người rút dao đe dọa anh phải đưa tiền*”. Lúc này, C đi liền phía sau anh M đứng ở trước cửa phòng ngủ, còn S ngồi ở bàn ăn của quán để ăn trứng. Khi nghe chị T hỏi bao nhiêu tiền và anh M trả lời là 2.500.000 đồng thì C không đồng ý lấy 2.500.000 đồng mà yêu cầu phải đưa 3.000.000 đồng nên chị T đã đưa cho C 3.000.000 đồng. Sau khi cầm 3.000.000 đồng, C đi ra cửa quán đưa cho S 2.700.000 đồng để S đi trả tiền hát Karaoke, số tiền còn lại C cầm đi về nhà. S cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô của mình chở anh M đi trả tiền hát Karaoke, khi trả tiền xong S chở anh M về quán rồi điều khiển xe mô tô về nhà.

Cáo trạng số: 87/CTr-VKS ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh C về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Dương Hữu S về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo: Nguyễn Mạnh C và Dương Hữu S đều khai nhận: Sau khi anh Trần Văn M từ chối không nhận cầm xe thì có giới thiệu cho hai bị cáo chỗ anh Nguyễn Xuân D ở thôn T - xã S - huyện T - tỉnh B để cầm xe nhưng anh D từ chối và nói anh M nói vớ vẩn. Do không cầm được xe nên bị cáo C bảo bị cáo S chở về nhà bị cáo C ở thôn Q - xã H - huyện Q - tỉnh B. Về đến nhà bị cáo C đã lấy 01 con dao dài 34cm, lưỡi dao bằng Inox màu sáng dài 21cm, bản rộng nhất phần lưỡi dao là 04cm chuôi dao bằng gỗ màu nâu, có vỏ bao tại phần lưỡi dao dài 21cm và 01 thẻ ATM của bà Phạm Thị B là mẹ đẻ của bị cáo C. Khi bị cáo C lấy dao thì bị cáo C không nói cho bị cáo S biết và bị cáo S cũng không biết bị cáo C lấy dao mang theo. Sau đó, hai bị cáo quay lại cây ATM ở phố H - thị trấn H - huyện T - tỉnh B để rút tiền nhưng không rút được. Khi không rút được tiền hai bị cáo quay lại quán “*Phở bò Nam Định*” của anh M, bị cáo C rút con dao (phần lưỡi dao vẫn nằm trong vỏ bao) để trong túi quần phía trước bên phải mà mình đang mặc dơ về phía anh M và nói “*Mày chơi tao à, thằng D có cầm cổ đâu, hôm nay mày không cầm cổ xe cho tao thì tao đâm chết mày*”. Thấy anh M sợ và nói là không có tiền thì bị cáo C liền cầm dao vòng qua quầy bán hàng đi vào chỗ anh M đang đứng bán hàng. Thấy vậy, bị cáo S đi theo bị cáo C và can ngăn không cho bị cáo C đến gần anh M nhưng bị cáo C vẫn tiếp tục đe dọa anh M “*Nếu không cho vay tiền thì sẽ phá quán*”. Do sợ bị cáo C làm thật nên anh M đã đi vào phòng ngủ gọi chị Lò Thị T là vợ của anh M dậy lấy 3.000.000 đồng đưa cho bị cáo C. Trong lúc anh M đi vào phòng ngủ lấy tiền thì bị cáo C đi liền phía sau anh M đứng ở trước cửa phòng ngủ, còn bị cáo S ngồi ở bàn ăn của quán để ăn trứng. Sau khi cầm 3.000.000 đồng, bị cáo C đi ra cửa quán đưa cho bị cáo S 2.700.000 đồng để bị cáo S đi trả tiền hát Karaoke, số tiền còn lại bị cáo C cầm đi về nhà. Bị cáo S cầm tiền rồi điều khiển xe

mô tô của mình chở anh M đi trả tiền hát Karaoke, khi trả tiền xong bị cáo S chở anh M về quán rồi điều khiển xe mô tô về nhà.

Cũng tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với các bị cáo: Nguyễn Mạnh C và Dương Hữu S. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, bị cáo Dương Hữu S phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 13 tháng đến 15 tháng tù, miễn áp dụng toàn bộ hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù tại Bản án số: 68/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là từ 23 tháng tù đến 25 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Hữu S từ 08 tháng đến 10 tháng tù, miễn áp dụng toàn bộ hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố tại phiên tòa công bố bản luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì về phần tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt do đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị áp dụng mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Thể hiện: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 16/9/2019, tại quán “*Phở bò Nam Định*” ở số 219, phố H - thị trấn H - huyện T - tỉnh B của vợ chồng anh Trần Văn M và chị Lò Thị T. Nguyễn Mạnh C đã dùng 01 con dao có vỏ bao tại phần lưỡi dao kích thước dài 34cm, lưỡi dao bằng Inox màu sáng dài 21cm, chuôi dao bằng gỗ màu nâu dài 13cm đe dọa anh M và buộc anh M bảo chị Lò Thị T là vợ của anh M phải đưa cho C số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền của anh M, Cg đưa cho Dương Hữu S 2.700.000 đồng, bản thân S mặc dù biết số tiền 2.700.000 đồng C đưa cho S là tiền do C đe dọa dùng vũ lực cưỡng đoạt được của anh M nhưng S vẫn cầm số tiền trên để sử dụng vào mục đích cá nhân của S và C.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Mạnh C đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại

khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Hữu S đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân ở địa phương, không những vậy còn tạo điều kiện để gây ra các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng cũng như giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Mạnh C có nhân thân xấu, ngày 27/7/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh B kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và xử phạt 24 tháng tù. Ngày 26/11/2012 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khỏe của người khác*”. Ngày 20/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Q - tỉnh B kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt 15 tháng tù, ngày 16/4/2014 Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 19/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B kết án về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và xử phạt 10 tháng tù. Không những vậy bị cáo còn có 01 tiền sự khi vào ngày 26/9/2018 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xong bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét sau khi thực hiện hành vi phạm tội biết không thể trốn tránh pháp luật nên bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra bị cáo đã tác động mẹ của bị cáo bồi thường cho anh Trần Văn M số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, người bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do bị cáo đang phải chấp hành hình phạt 10 tháng tù tại Bản án số: 68/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Dương Hữu S cũng có nhân thân xấu, ngày 27/02/2017 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau”. Không những vậy bị cáo còn có 01 tiền sự khi vào ngày 11/9/2018 bị Công an huyện T - tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Xong bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Ngoài hình phạt chính, tại khoản 5 Điều 170 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự còn quy định có thể áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với người phạm tội. Xong xét thấy, các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên miễn áp dụng toàn bộ hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Mạnh C chiếm đoạt của anh Trần Văn M đã được bị cáo tác động mẹ của bị cáo là chị Phạm Thị B bồi thường cho anh M. Tại phiên tòa hôm nay, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà chị Phạm Thị B thay bị cáo Nguyễn Mạnh C bồi thường cho anh Trần Văn M. Tại phiên tòa hôm nay, chị B không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với con dao mà bị cáo Nguyễn Mạnh C dùng để đe dọa, uy hiếp tinh thần anh Trần Văn M nhằm mục đích cưỡng đoạt tài sản được xác định là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus mà các bị cáo sử dụng để đi đến quán của anh Trần Văn M. Quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu là ông Dương Hữu H, ông H không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không tiến hành thu giữ là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc USB lưu giữ file hình ảnh thời điểm các bị cáo đến quán của anh Trần Văn Mạnh thực hiện hành vi vi phạm là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, **bị cáo Dương Hữu S** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 13 (*Mười ba*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù tại Bản án số: 68/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 23 (*Hai mươi ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/9/2019 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo công tác thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hữu S 07 (*Bảy*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao chiều dài 34 (*Ba mươi bốn*) cm có đầu nhọn, lưỡi dao dài 21 (*Hai mươi một*) cm, bản rộng phần lưỡi là 04 (*Bốn*) cm, vỏ bọc lưỡi dao bằng gỗ dài 27 (*Hai mươi bảy*) cm (Theo như biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 08/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo: Nguyễn Mạnh C và Dương Hữu S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;

- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Bùi Văn Tuyên